TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/DS-ST
Ngày 17- 4 -2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân và bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 829/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S, địa chỉ: Số B đường N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Tấn D1, chức vụ: Tổng giám đốc công ty S1, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3815 ngày 10/12/2024). Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Dương Đức T, chức vụ: Phó tổng giám đốc công ty S1, là người đại diện theo ủy quyền lại (văn bản ủy quyền số 175G ngày 10/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh T1, chức vụ: Nhân viên công ty S1, là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền số 221 ngày 20/01/2025), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Thanh Â, sinh năm: 1996; địa chỉ: Số B khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ngày 16/5/2022, bà Đặng Thị Thanh Â ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Â, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Â đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 32.792.966 đồng, khi sử dụng thẻ, bà Â đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 15.199.000 đồng, sau đó Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Â không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bà Â đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 06/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 17/4/2026, bà Â còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 66.034.283 đồng, trong đó dư nợ gốc 25.936.658 đồng, lãi quá hạn 40.097.625 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Thanh Â phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên. Đồng thời, yêu cầu bà Â có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2026 cho đến khi thanh toán dứt toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã quy định trong hợp đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị Thanh Â: Quá trình tố tụng bà Â đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập bà Â để tham gia các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 17/3/2026, 17/4/2026 nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Đặng Thị Thanh Â đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/3/2026 và ngày

17/4/2026 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn, giao dịch tín dụng cho vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/5/2022 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn bà Đặng Thị Thanh Â do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái quy định pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực, các bên phải thực hiện.

[2.2] Đối với bị đơn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Â, để bà Â có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Â vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Bị đơn, bà Â có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà Â không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[2.3] Xét, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/5/2022, được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn bà Đặng Thị Thanh Â, căn cứ bản tóm tắt sao kê tài khoản Đặng Thị Thanh Â thực hiện các giao dịch thông qua thẻ tín dụng với tổng số tiền 32.792.966 đồng, bà Â đã thanh toán nợ gốc và lãi 15.199.000 đồng, sau đó bà Â không thanh toán nợ gốc và không thanh toán tiền lãi theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng. Ngày 06/01/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà Â và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu qua nợ quá hạn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 17/4/2026, tổng số tiền là 66.034.283 đồng, trong đó: dư nợ gốc 25.936.658 đồng, lãi quá hạn 40.097.625 đồng là có căn cứ. Bà Â phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[2.4] Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/5/2022, thể hiện thông tin cá nhân chủ thẻ chính "Họ và tên Đặng Thị Thanh Â" thông tin nghề nghiệp "Tên đơn vị công tác "Công ty CP Q", chức vụ "nhân viên", thông tin người tham chiếu "Đặng Thanh N". Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/5/2022 áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân, không có căn cứ xác định khoản vay nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty hoặc nhu cầu gia đình; nguyên đơn xác định mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, nên Công ty CP Q và ông (bà) Đặng Thanh N không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử không đưa Công ty CP Q và ông (bà) Đặng Thanh N tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Đặng Thị Thanh Â về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Đặng Thị Thanh Â thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến hết ngày 17/4/2026 là 66.034.283 đồng, trong đó dư nợ gốc 25.936.658 đồng, lãi quá hạn 40.097.625 đồng.

Kể từ ngày 18/4/2026, bà Đặng Thị Thanh Â tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thanh Â phải chịu 3.301.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.279.902 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008185 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 (1);
- Phòng THADS khu vực 16(1);
- TAND khu vực 16 (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh